

Số: /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 159/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Công văn số 3527/SNNMT-CCKL ngày 20 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Y tế, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTH pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thy-05b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

QUY ĐỊNH

Phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như: cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng; công tác tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng; việc huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật; mức hỗ trợ tiền ăn đối với lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung không được Quy định tại quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương II

CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG VÀ CÁC BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG; TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN CHÁY RỪNG

Điều 3. Cấp dự báo cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V, trong đó:

a) Cấp I: Cấp thấp, ít có khả năng cháy rừng;

b) Cấp II: Cấp trung bình, có khả năng cháy rừng;

c) Cấp III: Cấp cao, thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng;

d) Cấp IV: Cấp nguy hiểm, thời tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh;

e) Cấp V: Cấp cực kỳ nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng.

2. Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, đặc trưng cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy rừng thực hiện theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Điều 4. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ tiêu P và H

Bảng tra cấp dự báo cháy rừng tỉnh Đắk Lắk					
Cấp dự báo cháy rừng	I	II	III	IV	V
Chỉ tiêu P	0 - 5.000	5.001 - 10.000	10.001 - 15.000	15.001 - 20.000	> 20.000
Tháng	Chỉ tiêu H (ngày)				
11	01-13	14-27	28-41	42-55	>56
12	01-14	15-28	29-42	43-56	>57
01	01-12	13-26	27-40	41-54	>55
02	01-09	10-19	20-29	30-39	>40
03	01-07	08-17	18-25	26-33	>34
04	01-06	07-13	14-21	22-28	>29
Theo ẩm độ vật liệu cháy (%)	35-25	20-25	15-20	10-15	<10

2. Phương pháp sử dụng bảng tra cấp dự báo cháy rừng

Sử dụng một trong hai phương pháp sau đây:

a) Phương pháp áp dụng chỉ số P là chỉ tiêu tổng hợp về khả năng xuất hiện cháy rừng. Chỉ tiêu P được tính theo công thức:

$$P_i = K * \sum_{i+1}^n T_{13}^0 * D_{n13}$$

Trong đó:

P_i là chỉ tiêu tổng hợp P của ngày thứ i.

K: Hệ số điều chỉnh theo lượng mưa ngày i.

Nếu $K = 0$ khi lượng mưa trong ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày;

Nếu $K = 1$ khi lượng mưa trong ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày.

T^0 : Nhiệt độ không khí lúc 13h ngày thứ i ($^{\circ}\text{C}$), giờ cao điểm dễ xảy ra cháy rừng trong ngày.

D: Độ chênh lệch bão hòa lúc 13h ngày thứ i (mb).

b) Phương pháp áp dụng chỉ số H là chỉ số ngày khô hạn liên tục không mưa hoặc mưa có lượng mưa dưới 5 mm/ngày. Chỉ tiêu H được tính theo công thức:

$$H_i = K * (H_{i-1} + 1)$$

Trong đó:

H_i là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ i (tính từ sau ngày có

mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó $H_i = i$.

H_{i-1} là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ $i-1$ (tính từ sau ngày có mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó, $H_{i-1} = i-1$.

K: Hệ số điều chỉnh theo lượng mưa ngày i .

Nếu $K = 0$ khi lượng mưa trong ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày;

Nếu $K = 1$ khi lượng mưa trong ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày.

Điều 5. Thông tin cấp dự báo cháy rừng

1. Lực lượng Kiểm lâm có trách nhiệm xác định cấp dự báo cháy rừng, thông tin hàng ngày trên Cổng thông tin điện tử của Chi cục Kiểm lâm và cung cấp thông tin cho Cổng thông tin điện tử tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng khác để đưa, phát bản tin liên tục trong ngày khi cấp dự báo cháy rừng đạt cấp IV và cấp V.

2. Cơ quan truyền thông cấp tỉnh, cấp xã phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tổ chức cung cấp thông tin cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng kịp thời liên tục trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh và địa phương khi cấp dự báo cháy rừng đạt cấp IV và cấp V.

3. Hạt Kiểm lâm thông tin cấp dự báo cháy rừng đến Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn có rừng và các chủ rừng để kịp thời triển khai các hoạt động sẵn sàng ứng phó sự cố cháy rừng. Khi dự báo cháy rừng từ cấp IV trở lên, hệ thống loa phát thanh cấp xã, hệ thống loa truyền thanh cơ sở, các nhóm thông tin cộng đồng và nền tảng số của chính quyền địa phương phải thông tin, cảnh báo liên tục để người dân được biết, chủ động các biện pháp phòng ngừa.

Điều 6. Trách nhiệm trực phòng cháy và chữa cháy rừng, thông báo cháy rừng

1. Người phát hiện cháy rừng phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh và cho một hoặc các đơn vị sau đây:

- a) Chủ rừng có rừng bị cháy;
- b) Tổ/đội phòng cháy và chữa cháy rừng nơi gần nhất;
- c) Hạt Kiểm lâm hoặc Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nơi gần nhất;
- d) Chính quyền địa phương cấp xã hoặc cơ quan Công an, Quân đội nơi gần nhất.

2. Nội dung thông báo cháy gồm:

- a) Thời gian, địa điểm cháy;
- b) Loại rừng, loài cây bị cháy;
- c) Diễn biến và quy mô đám cháy;
- d) Nhận định các tình huống khẩn cấp;
- đ) Công tác tổ chức chữa cháy rừng.

3. Hình thức thông báo cháy gồm:

a) Văn bản;

b) Điện thoại, tin nhắn, thư điện tử;

c) Phần mềm báo cáo nhanh của lực lượng Kiểm lâm hoặc bằng các phương tiện thông tin khác nhanh nhất có thể.

4. Khi dự báo cháy rừng cấp III, IV, V, lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và các lực lượng chức năng liên quan rà soát, xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trên địa bàn; tổ chức trực và canh gác tại các khu rừng có nguy cơ cháy rừng cao.

Điều 7. Tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng

1. Nguyên tắc tiếp nhận, xử lý thông tin

Thông tin về nguy cơ và cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho chính quyền địa phương và cơ quan chuyên trách về phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Tiếp nhận thông tin

a) Người trực có trách nhiệm: Theo dõi thông tin cấp dự báo cháy rừng, thông tin các điểm cảnh báo cháy rừng và thông báo cho lực lượng chức năng liên quan kiểm tra, xác minh. Tiếp nhận thông tin về phòng cháy, chữa cháy rừng của người dân và báo cáo lãnh đạo đơn vị để xử lý kịp thời.

b) Người trực của đơn vị khi tiếp nhận tin báo cháy phải hỏi rõ họ, tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo cháy; địa điểm xảy ra cháy (tọa độ vị trí, lô, khoảnh, chủ quản lý, thời gian xảy ra cháy); thông tin về đám cháy, gồm quy mô, diện tích đám cháy, loại rừng cháy, nguy cơ cháy lan, hoạt động chữa cháy của lực lượng tại chỗ và các thông tin khác có liên quan.

c) Sau khi nhận được thông tin cháy rừng, người trực phải ghi vào sổ tiếp nhận thông tin báo cháy; đồng thời báo cáo ngay cho người đứng đầu đơn vị hoặc người được giao phụ trách để xử lý và thông tin cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

3. Xử lý thông tin

Cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 6 Quy định này khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác biết để chi viện chữa cháy; trường hợp cháy rừng xảy ra ngoài địa bàn được phân công quản lý thì sau khi nhận được tin báo cháy phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng theo nguyên tắc sau:

a) Kiểm lâm làm việc tại địa bàn báo cáo với Hạt Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hạt Kiểm lâm báo cáo với Chi cục Kiểm lâm, đồng thời thông tin cho Công an cấp xã;

c) Chi cục Kiểm lâm báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách, Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời thông tin cho Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

d) Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ báo cáo với Công an xã, đồng thời thông tin cho Hạt Kiểm lâm;

đ) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ báo cáo với Công an tỉnh, đồng thời thông tin cho Chi cục Kiểm lâm.

4. Chi cục Kiểm lâm thiết lập, thông báo số điện thoại đường dây nóng để người dân, cơ quan chức năng phản ánh thông tin về cháy rừng nhằm kịp thời xử lý.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ VÀ KINH PHÍ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 8. Trách nhiệm chữa cháy rừng

Trách nhiệm chữa cháy rừng của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, chủ rừng và các lực lượng có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy và pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Lực lượng chữa cháy rừng các cấp

Khi có cháy rừng lớn hoặc nguy cơ cháy lớn; cháy rừng vùng giáp ranh giữa các xã, phường; vùng giáp ranh với tỉnh khác, lực lượng chữa cháy rừng được quy định như sau:

1. Lực lượng chữa cháy rừng cấp tỉnh

a) Lực lượng chính gồm: Công an tỉnh, nòng cốt là lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; lực lượng Kiểm lâm tỉnh; lực lượng thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

b) Lực lượng phối hợp gồm: các cơ quan, đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn tỉnh; các đơn vị thuộc Công an tỉnh; lực lượng tại chỗ của địa phương nơi xảy ra cháy rừng.

2. Lực lượng chữa cháy rừng cấp xã

a) Lực lượng chính gồm: lực lượng Công an cấp xã; lực lượng Kiểm lâm sở tại; lực lượng thuộc Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

b) Lực lượng phối hợp gồm: các cơ quan, đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn; lực lượng của địa phương nơi xảy ra cháy rừng và địa phương lân cận; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tổ, đội bảo vệ rừng; lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, buôn, bản, tổ dân phố.

c) Lực lượng chữa cháy rừng của chủ rừng.

d) Lực lượng của các chủ rừng khác khi được huy động.

Điều 10. Huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo, chỉ huy toàn diện hoạt động chữa cháy rừng theo thẩm quyền quy định tại Điều 25 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

b) Huy động, điều phối và phân công lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng. Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản chữa cháy rừng theo quy định hiện hành.

2. Thẩm quyền chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chưa có mặt tại hiện trường

a) Người giữ chức vụ cao nhất của lực lượng Kiểm lâm có mặt tại hiện trường vụ cháy là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

b) Khi cháy rừng tại thôn, tổ dân phố mà chưa có người chỉ đạo, chỉ huy theo quy định tại điểm a khoản này thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng; trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt thì người được ủy quyền là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

c) Trường hợp khi chưa có người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì chủ rừng là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

3. Trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát hoặc đám cháy có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, quốc phòng, an ninh, sự an toàn của các công trình quan trọng, người đứng đầu cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cơ quan có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng theo quy định.

4. Khi nhận được yêu cầu tham gia chữa cháy rừng, thủ trưởng các đơn vị, lực lượng chữa cháy rừng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, hậu cần thuộc phạm vi quản lý của đơn vị để tham gia chữa cháy rừng.

5. Lực lượng Công an, lực lượng dân quân tự vệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khoanh vùng, chốt chặn, điều tiết giao thông, giữ gìn trật tự, bảo vệ khu vực xảy ra cháy rừng, ngăn không cho người không có nhiệm vụ liên quan tiếp cận hiện trường; đồng thời hỗ trợ lực lượng chữa cháy rừng thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

6. Sở Y tế, Trạm Y tế cấp xã khi nhận được đề nghị hỗ trợ y tế, cấp cứu người bị nạn trong chữa cháy rừng phải kịp thời bố trí xe cấp cứu và lực lượng y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cứu chữa người bị nạn.

7. Các cơ quan điện lực, cấp nước và các cơ quan liên quan khi nhận được yêu cầu của người chỉ huy chữa cháy rừng phải nhanh chóng điều động người và

phương tiện đến nơi xảy ra cháy để phục vụ chữa cháy rừng.

Điều 11. Mức hỗ trợ tiền ăn đối với lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh

Chi tiền ăn đối với các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả người hưởng lương và người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo lệnh điều động, huy động của người có thẩm quyền bằng 0,4 ngày lương tối thiểu vùng/suất ăn.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định;

b) Chủ trì, kiểm tra việc chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng và các hoạt động liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng;

d) Phối hợp với ngành, địa phương thông báo cấp dự báo cháy rừng trên các phương tiện truyền thông trong các tháng mùa khô trên địa bàn tỉnh;

đ) Theo dõi, quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý; phối hợp tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng cho các lực lượng liên quan;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm, đơn vị Quân đội, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng có dấu hiệu tội phạm; định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan Kiểm lâm thông tin về tình hình tội phạm và kết quả điều tra, xử lý các vụ án;

d) Phối hợp cơ quan Kiểm lâm tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ điều tra hình sự cho công chức Kiểm lâm làm công tác điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn

cán bộ, chiến sĩ nâng cao nhận thức, nắm vững và chấp hành nghiêm quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng;

b) Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng tham gia tuần tra và sẵn sàng ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra theo lệnh huy động; phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, Công an và chính quyền địa phương tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bố trí phương tiện cấp cứu và lực lượng y tế khi nhận được đề nghị hỗ trợ y tế, cấp cứu người bị nạn trong chữa cháy rừng.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường bố trí kinh phí phục vụ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng, đảm bảo quy định của pháp luật và khả năng ngân sách của địa phương.

6. Sở Nội vụ

Hướng dẫn thủ tục, trình tự và thành phần hồ sơ thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị thương, hy sinh hoặc bị thiệt hại khi tham gia chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; ưu tiên triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dự báo, cảnh báo, giám sát, phát hiện sớm cháy rừng; phối hợp chuyên gia, nhân rộng kết quả nghiên cứu phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức thực hiện pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và tổ chức khắc phục hậu quả cháy rừng theo thẩm quyền.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện pháp luật; chỉ đạo tuyên truyền, tổ chức chữa cháy rừng và xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng. Trực tiếp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng; xử phạt vi phạm hành chính và thành lập, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã theo thẩm quyền.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.